

Số: 04/2024/QĐST- DS

Duy Tiên, ngày 04 tháng 9 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 26 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2024/TLST - DS ngày 15 tháng 4 năm 2024 về việc: “Tranh chấp yêu cầu thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần X; trụ sở chính: Số A, ngõ C, ngách C, đường L, phường C, quận N, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh B - Tổng giám đốc. Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Minh T - Chuyên viên pháp chế.

* **Bị đơn:** Ông Đào Tân K, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Công ty TNHH K2; địa chỉ: Tổ dân phố số D, phường H, thị xã D, tỉnh Hà Nam. Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Thanh H. Đại diện theo ủy quyền: Ông Đào Tân K, sinh năm 1977; nơi cư trú: Tổ dân phố C, phường C, thị xã D, tỉnh Hà Nam.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Ghi nhận việc Công ty cổ phần X rút một phần yêu cầu đối với ông Đào Tân K về khoản lãi tạm tính ngày 01/04/2024 là 146.000.000 đồng.

2.2. Các đương sự cùng thống nhất: Tổng số tiền ông Đào Tân K còn nợ Công ty cổ phần X để thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh cho Công ty TNHH K3 đến ngày 26/8/2024 là 87.275.000 đồng.

2.3. Phương thức thanh toán và lộ trình thanh toán: Ngày 31 tháng 12 năm 2024 ông Đào Tân K phải trả cho Công ty cổ phần X tổng số tiền 87.275.000 đồng.

2.4. Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thi hành án cụ thể như sau: Kể từ ngày 01/01/2025 nếu ông Đào Tân K không thực hiện nghĩa vụ thanh toán như đã cam kết trên thì Công ty cổ phần X yêu cầu ông Đào Tân K phải trả số tiền gốc là 87.275.000 đồng và tiền nợ lãi theo thoả thuận là 1,5%/năm cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ trên.

2.5. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Công ty cổ phần X và bị đơn ông Đào Tân K mỗi bên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.090.935,5 đồng (làm tròn 1.091.000 đồng). Đối trừ đi số tiền tạm ứng án phí 13.000.000 đồng nguyên đơn đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thị xã Duy Tiên theo biên lai số 0001095 ngày 15/4/2024. Trả lại cho nguyên đơn số tiền 11.909.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thị xã Duy Tiên;
- Chi cục THADS thị xã Duy Tiên
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

NGUYỄN THỊ TƯƠI

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

Số: 01/2019/QĐST-KDTM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Duy Tiên, ngày 05 tháng 3 năm 2019.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 25 tháng 02 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 01/2017/TLST - KDTM ngày 14 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần S1;

Địa chỉ: Số B - B, N, phường H, quận C, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D - Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Vũ Mạnh C - Giám đốc chi nhánh H11 (ông C ủy quyền lại cho bà Lưu Thị H1 - Trưởng phòng kiểm soát rủi ro chi nhánh H11 tham gia tố tụng).

* **Bị đơn:** - Ông Lưu Mạnh D1, sinh năm 1982;

- Bà Đào Thị Lan A, sinh năm 1983;

Nơi ĐKHKTT : Phố T, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Chỗ ở hiện nay: Số E, tầng E, Nhà G, ngõ D, N, Thanh Xuân N, thành phố Hà Nội.

* **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

- Anh Lưu Quang H2, sinh năm 1980;

Địa chỉ: Thôn Y, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam

- Bà Đào Thị Đ, sinh năm 1956;

- Chị Lưu Thị N1, sinh năm 1978;

Địa chỉ: P, T18, khu đô thị T, M, quận H, thành phố Hà Nội.

- Anh Lưu Mạnh T1, sinh năm 1984;

Địa chỉ: P, CT2A, chung cư V, phường M, quận N, thành phố Hà Nội.

(Bà Đ; chị N1; anh T1 cùng ủy quyền cho anh H2 tham gia tố tụng)

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

* Các bên thống nhất thoả thuận:

Nguyên đơn là Ngân hàng S1; Bị đơn là ông Lưu Mạnh D1 và bà Đào Thị Lan A; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: ông Lưu Quang H2 (là người đại

diện theo ủy quyền) cùng thống nhất thỏa thuận phương án Bị đơn thanh toán cho Nguyên đơn như sau:

Tổng số tiền gốc và lãi Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn là 448.738.505đ (B1 trăm bốn mươi tám triệu bảy trăm ba tám ngàn năm trăm linh năm đồng); trong đó: Nợ gốc theo Hợp đồng tín dụng số LD 1613900045 ngày 18/5/2016 là 399.920.000đ (Ba trăm chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) và lãi suất theo Hợp đồng tín dụng là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng); Nợ gốc và lãi thẻ tín dụng mang tên Đào Thị Lan A là 28.818.505 đ (Hai mươi tám triệu tám trăm mười tám ngàn năm trăm linh năm đồng).

- Phương thức thanh toán: Bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.
- Lộ trình thanh toán cụ thể như sau:

+ Trước ngày 10/3/2019, Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền 128.818.505 đ (Một trăm hai mươi tám triệu tám trăm mười tám ngàn năm trăm linh năm đồng); trong đó 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) dư nợ gốc khoản vay của Hợp đồng tín dụng và 28.818.505đ (Hai mươi tám triệu tám trăm mười tám ngàn năm trăm linh năm đồng) dư nợ gốc và lãi suất của thẻ tín dụng.

+ Trước ngày 10/4/2019 Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) dư nợ gốc khoản vay của Hợp đồng tín dụng.

+ Trước ngày 10/5/2019 Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng) dư nợ gốc khoản vay của Hợp đồng tín dụng.

+ Trước ngày 10/6/2019 Bị đơn phải thanh toán cho Nguyên đơn số tiền là 99.920.000đ (Chín mươi chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) dư nợ gốc khoản vay và 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) tiền lãi của Hợp đồng tín dụng.

(Trong trường hợp Bị đơn không thanh toán cho Nguyên đơn theo đúng kỳ hạn của lộ trình trước ngày 10 hàng tháng thì Bị đơn phải chịu lãi suất trong hạn và quá hạn đối với khoản tiền chưa thanh toán của kỳ hạn đó nhưng chậm nhất đến ngày 15 hàng tháng).

* Đối với khoản vay theo thẻ tín dụng mang tên Đào Thị Lan A buộc Bị đơn là anh D1 và chị Lan A phải thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ số tiền gốc và lãi là: 28.818.505 đồng (Hai mươi tám triệu tám trăm mười tám ngàn năm trăm linh năm đồng).

* Đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số LD 1613900045 ngày 18/5/2016, trong trường hợp Bị đơn vi phạm một trong các kỳ hạn trả nợ trên thì buộc Bị đơn phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc là 399.920.000đ (Ba trăm chín chín triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng) và tiền lãi tính đến ngày 21/02/2019 là 94.793.498đ (Chín mươi tư triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm chín tám đồng). Ngân hàng được quyền đề nghị Cơ quan Thi hành dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp là diện tích đất 1.134m² tại thửa đất số 297, PL14 ở **thôn Y, xã M, huyện D, tỉnh Hà Nam** theo Hợp đồng thế chấp số LD 1613900045/HĐTC 1 ngày 18/5/2016 để thu hồi khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng.

* Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc thi hành án cụ thể như sau: Kể từ ngày bên được thi hành án có Đơn yêu cầu thi hành án mà Bị đơn không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ thì phải tiếp tục chịu lãi suất nợ quá hạn theo mức lãi suất đã thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng của số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ gốc.

* Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Ghi nhận sự thỏa thuận của các đương sự theo đó Nguyên đơn chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 10.975.000đ (Mười triệu chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng). Nguyên đơn đã nộp tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2015/0000187 ngày 14/11/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng). Nguyên đơn phải nộp tiếp án phí là kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là: 975.000đ (Chín trăm bảy mươi lăm ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

Số: 01/2018/QĐST-KDTM

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 13 tháng 7 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 7 năm 2018 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 02/2014/TLST - KDTM ngày 13 tháng 8 năm 2014.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Công ty cổ phần P1;

Trụ sở chính: Số A, đường H, phường K, quận T, thành phố Hà Nội.

Văn phòng giao dịch: Phòng 1207, nhà A, phố N, phường C, quận N, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật là ông Nguyễn Tiên Đ1 - Chủ tịch Hội đồng quản trị

Người đại diện theo ủy quyền: bà Nguyễn Thị H3.

* **Bị đơn:** Công ty cổ phần T12.

Địa chỉ: Cụm C, xã H, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đức T2 - Giám đốc.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Hai bên thống nhất thoả thuận:

* Công ty cổ phần P1 và Công ty cổ phần T12 thống nhất số tiền nợ còn lại theo Hợp đồng mua bán hàng hóa số 11 - 11/HĐMB/VX - TV ngày 11/10/2010 và 21 - 11/HĐMB/VX - TV ngày 26/11/2010 mà Công ty cổ phần T12 phải trả cho Công ty cổ phần P1 số tiền là 220.000.000đ (Hai trăm hai mươi triệu đồng).

* Về phương thức thanh toán: Công ty cổ phần T12 thanh toán trả nợ cho Công ty cổ phần P1 từng kỳ cụ thể như sau:

- Đợt 1: Trong hạn 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày 15/7/2018 thì Công ty cổ phần T12 phải trả nợ Công ty cổ phần P1 số tiền là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

- Đợt 2: Trong hạn 30 (Ba mươi) ngày kể từ ngày 15/8/2018 thì Công ty cổ phần T12 phải trả nợ Công ty cổ phần P1 số tiền còn lại là 100.000.000đ (Một trăm triệu đồng).

* Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty cổ phần T12 và Công ty cổ phần P1 mỗi bên phải chịu 2.750.000đ (Hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn đồng)

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

Số: 57/2018/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 06 tháng 7 năm 2018.

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 63/2018/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2018, giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Mai A1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Đ, xã T, huyện B, tỉnh Hà Nam.

* **Bị đơn:** Anh Trần Tuấn N2, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 28 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Mai A1 và anh Trần Tuấn N2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị Mai A1 và anh Trần Tuấn N2: Giao cháu Trần Thị Minh C1, sinh ngày 27 - 01 - 2017 cho chị Mai A1 trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh N2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Mai A1 mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 6/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị Mai A1 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh N2 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **Mai A1**; anh **N2** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh **N2** phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị **Mai A1** chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con của anh **N2** tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị **Mai A1** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000278 ngày 20/6/2018 được đối trừ khi thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Trác Văn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 27 tháng 6 năm 2018.

Số: 53/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 59/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa:

* **Nguyên đơn:** Anh **Trần Văn D2**, sinh năm 1989.

Địa chỉ: **Thôn Y, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam.**

* **Bị đơn:** Chị **Trần Thị T3**, sinh năm 1994.

Địa chỉ: **Thôn Y, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 6 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Trần Văn D2** và chị **Trần Thị T3**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của anh **Trần Văn D2** và chị **Trần Thị T3**: Giao cháu **Trần Thị Thúy Q**, sinh ngày 21 - 10 - 2011 cho anh **D2** trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu **Trần Anh T4**, sinh ngày 02 - 12 - 2012 cho chị **T3** trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 6/2018 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. **Anh D3**, chị **T3** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. **Anh D3**; chị **T3** và các thành viên trong gia đình không được cản trở chị **T3**, anh **D3** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh **Duy**; chị **T3** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để anh **D3** chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh **D3** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000282 ngày 14/6/2018 được đối trừ khi thi hành án. Trả lại anh **D3** số tiền 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Chuyên Ngoại;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 25 tháng 5 năm 2018.

Số: 42/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 23/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018, giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị H4, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Đ, thôn Đ, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.

* **Bị đơn:** Anh Tô Văn T5, sinh năm 1983.

Địa chỉ: Đ, thôn Đ, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Nguyễn Thị H4** và anh **Tô Văn T5**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của chị **Nguyễn Thị H4** và anh **Tô Văn T5**: Giao cháu **Tô Nhật M**, sinh ngày 07 - 9 - 2015 cho chị **H4** trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu **Tô Nguyễn Ngọc A2**, sinh ngày 25 - 10 - 2013 cho anh **T5** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị **H4**, anh **T5** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị **H4**; anh **T5** và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **T5**; chị **H4** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **H4**; anh **T5** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để chị **H4** chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị **H4** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 03/4/2018 theo biên lai số 0000242 được đối trừ khi thi hành án. Trả lại chị **H4** 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND thị trấn Đồng Văn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 11 tháng 5 năm 2018.

Số: 39/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 25/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 4 năm 2018, giữa:

* **Nguyên đơn:** Chị Trần Thị U, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số nhà A, phố N, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.

* **Bị đơn:** Anh Phạm Ngọc S, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Số nhà A, phố N, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên

bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 03 tháng 5 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị U và anh **Phạm Ngọc S**.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của chị **Trần Thị U** và anh **Phạm Ngọc S**: Giao cháu **Phạm Thị Thanh T6**, sinh ngày 12 - 01 - 2013 cho chị **U** trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu **Phạm Thị Thanh H5**, sinh ngày 27 - 6 - 2011 cho anh **S** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Chị **U**, anh **S** không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị **U**; anh **S** và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **S**; chị **U** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **U**; anh **S** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để chị **U** chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn sơ thẩm là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị **U** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 06/4/2018 theo biên lai số 0000244 được đối trừ khi thi hành án. Trả lại chị **U** 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND thị trấn Đồng Văn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 07 tháng 5 năm 2018.

Số: 38/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 32/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 4 năm 2018, giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Trần Duy M1**, sinh năm 1988; Địa chỉ: **Khu đô thị M, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.**

* Bị đơn: Chị **Bạch Thị N3**, sinh năm 1996; Địa chỉ: **Thôn Đ, thị trấn Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 107, 110, 116 và 117 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 4 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Trần Duy M1** và chị **Bạch Thị N3**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của anh **Trần Duy M1** và chị **Bạch Thị N3**: Giao cháu **Trần Nam K1**, sinh ngày 14/02/2017 cho chị **N3** trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu **K1** đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh **M1** có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **N3** mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng) kể từ tháng 5/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị **N3** và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **M1** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh **M1**; chị **N3** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh **M1** phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để anh **M1** chịu toàn bộ số tiền án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con tổng cộng là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh **M1** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000254 ngày 17/4/2018 được đối trừ khi thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND thị trấn Đồng Văn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 31 tháng 10 năm 2017.

Số: 90/2017/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 101/2017/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Lê Thị T7**, sinh năm 1993; Nơi ĐKKHKT: **Thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam**. Chỗ ở hiện nay: **Thôn H, xã D, huyện D, tỉnh Hà Nam**.

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Văn T8**, sinh năm 1986; Địa chỉ: **Thôn H, xã T, huyện D, tỉnh Hà Nam**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 23 tháng 10 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Lê Thị T7** và anh **Nguyễn Văn T8**.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của chị Lê Thị T7 và anh Nguyễn Văn T8: Giao hai cháu Nguyễn Lê Phương A3 và Nguyễn Lê Trang A4, đều sinh ngày 25/8/2016 cho chị T7 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T8 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T7 mỗi cháu là 1.500.000đ/tháng kể từ tháng 11/2017 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị T7 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T8 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị T7, anh T8 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh T8 phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để chị T7 chịu toàn bộ số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị T7 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000159 được đối trừ khi thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Tiên Nội;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 19/2018/QĐST-HNGĐ

Duy Tiên, ngày 07 tháng 02 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 127/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Vũ Thế N4**, sinh năm 1981; Địa chỉ: **Phố T, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam.**

* Bị đơn: Chị **Hoàng Thị H6**, sinh năm 1984; Địa chỉ: **Phố T, thị trấn H, huyện D, tỉnh Hà Nam.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 30 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Vũ Thế N4** và chị **Hoàng Thị H6**.
2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thỏa thuận của anh **Vũ Thế N4** và chị **Hoàng Thị H6**: Giao cháu **Vũ Hoàng H7**, sinh ngày 05/01/2006 và cháu **Vũ Minh Q1**, sinh ngày 17/9/2012 cho chị **H6** trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 02 năm 2018 cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh **N4** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **H6**. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị **H6** và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **N4** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh **N4**, chị **H6** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thỏa thuận của đương sự để anh **N4** chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh **N4** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 20/11/2017 theo biên lai số 0000192 được đối trừ khi thi hành án. Anh **N4** được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND thị trấn Hòa Mạc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 110/2017/QĐST-HNGĐ

Duy Tiên, ngày 25 tháng 12 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 124/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị D4**, sinh năm 1980; Địa chỉ: **Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.**

* Bị đơn: Anh **Bùi Văn T9**, sinh năm 1984; Nơi ĐKHKTT: **Thôn S, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.** Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: **Trại giam N6 - Tổng cục V - Bộ C2; Địa chỉ: Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đặng Thị D4** và anh **Bùi Văn T9**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của chị **Đặng Thị D4** và anh **Bùi Văn T9**: Giao 01 con chung là **Bùi Thị Ngọc A5**, sinh ngày 25/5/2008 cho chị **D4** trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh **T9** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **D4**. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị **D4** và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **T9** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **D4**, anh **T9** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để chị **D4** chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị **D4** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 15/11/2017 theo biên lai số 0000189 được đối trừ khi thi hành án. Chị **D4** được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Đội Sơn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 07 tháng 12 năm 2017.

Số: 105/2017/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 126 /2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T10, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức T10.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức T10: Giao 02 con chung là: Nguyễn Thành L1, sinh ngày 28/11/2005 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 19/8/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T10 không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị L. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T10 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L, anh T10 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để chị L chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 17/11/2017 theo biên lai số 0000191 được đối trừ khi thi hành án. Chị L được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Bạch Thượng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 03 tháng 01 năm 2018.

Số: 04/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 116/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Quỳnh T11**, sinh năm 1995; Địa chỉ: **Khối H, thị trấn H, huyện T, tỉnh Nghệ An.**

* Bị đơn: Anh **Nguyễn Toàn P**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **Thôn T, xã C, huyện D, tỉnh Hà Nam.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Trần Thị Quỳnh T11** và anh **Nguyễn Toàn P.**

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị **Trần Thị Quỳnh T11** và anh **Nguyễn Toàn P** đều xác nhận vợ chồng không có con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **T11**, anh **P** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để chị **T11** chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị **T11** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 25/10/2017 theo biên lai số 00002175 được đối trừ khi thi hành án. Chị **T11** được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Châu Giang;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 12 tháng 01 năm 2018.

Số: 09/2018/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 140/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Phạm Tân L3**, sinh năm 1993; Địa chỉ: **Thôn B, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam.**

* Bị đơn: Chị **Chu Thị Thúy N5**, sinh năm 1997; Địa chỉ: **Thôn B, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04

tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh **Phạm Tân L3** và chị **Chu Thị Thúy N5**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: anh **Phạm Tân L3** và chị **Chu Thị Thúy N5** đều xác nhận vợ chồng không có con chung và không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh **L3**, chị **N5** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để anh **L3** chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh **L3** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 20/12/2017 theo biên lai số 0000206 được đối trừ khi thi hành án. Anh **L3** được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Yên Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

Số: 110/2017/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 25 tháng 12 năm 2017.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 124/2017/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 11 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Đặng Thị D4**, sinh năm 1980; Địa chỉ: **Thôn V, xã L, huyện T, tỉnh Hải Dương.**

* Bị đơn: Anh **Bùi Văn T9**, sinh năm 1984; Nơi ĐKKHKT: **Thôn S, xã Đ, huyện D, tỉnh Hà Nam.** Hiện đang chấp hành hình phạt tù tại: **Trại giam N6 - Tổng cục V - Bộ C2**; Địa chỉ: **Thôn T, xã T, huyện K, tỉnh Hà Nam.**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 15 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Đặng Thị D4** và anh **Bùi Văn T9**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của chị **Đặng Thị D4** và anh **Bùi Văn T9**: Giao 01 con chung là **Bùi Thị Ngọc A5**, sinh ngày 25/5/2008 cho chị **D4** trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi con đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh **T9** không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị **D4**. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị **D4** và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh **T9** trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị **D4**, anh **T9** mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để chị **D4** chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị **D4** đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 15/11/2017 theo biên lai số 0000189 được đối trừ khi thi hành án. Chị **D4** được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Đọi Sơn;

THẨM PHÁN

- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

MẠNH XUÂN HẢI

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 15 tháng 12 năm 2017.

Số: 107/2017/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Anh **Nguyễn Thanh H8**, sinh năm 1989; Địa chỉ: **Thôn Q, xã Y**.

* Bị đơn: Chị **Phạm Thị Minh H9**, sinh năm 1992; Địa chỉ: **Thôn Q, xã Y**.

huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, điều 107, điều 110, điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh H8 và chị Phạm Thị Minh H9.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của anh Nguyễn Thanh H8 và chị Phạm Thị Minh H9: Giao cháu Nguyễn Đức H10, sinh ngày 20/12/2015 cho chị H9 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H10 đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh H8 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H9 mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị H9 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H8 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H8, chị H9 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H8 phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để anh H8 chịu toàn bộ số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh H8 đã

nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000196 được đổi trừ khi thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Yên Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 15 tháng 12 năm 2017.

Số: 107/2017/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 131/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Anh Nguyễn Thanh H8, sinh năm 1989; Địa chỉ: Thôn Q, xã Y.

* Bị đơn: Chị Phạm Thị Minh H9, sinh năm 1992; Địa chỉ: Thôn Q, xã Y, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, điều 107, điều 110, điều 116 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 12 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Nguyễn Thanh H8 và chị Phạm Thị Minh H9.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của anh Nguyễn Thanh H8 và chị Phạm Thị Minh H9: Giao cháu Nguyễn Đức H10, sinh ngày 20/12/2015 cho chị H9 trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H10 đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh H8 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị H9 mỗi tháng là 2.000.000đ kể từ tháng 01/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị H9 và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh H8 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết.

2.3. Về án phí:

- Án phí ly hôn sơ thẩm: Anh H8, chị H9 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng).

- Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh H8 phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để anh H8 chịu toàn bộ số tiền án phí là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ anh H8 đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên theo biên lai số 0000196 được đối trừ khi thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Yên Bắc;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

TRẦN NGỌC THUẬN

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN DUY TIÊN
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Duy Tiên, ngày 07 tháng 12 năm 2017.

Số: 105/2017/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 126 /2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 11 năm 2017, giữa:

* Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1985; Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam.

* Bị đơn: Anh Nguyễn Đức T10, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn V, xã B, huyện D, tỉnh Hà Nam.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 29 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức T10.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chấp nhận sự thoả thuận của chị Nguyễn Thị L và anh Nguyễn Đức T10: Giao 02 con chung là: Nguyễn Thành L1, sinh ngày 28/11/2005 và Nguyễn Thành L2, sinh ngày 19/8/2012 cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng kể từ tháng 12 năm 2017 cho đến khi các con đủ 18 tuổi, trưởng thành, tự lập được. Anh T10 không phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cùng chị L. Các bên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung theo quy định của pháp luật. Chị L và các thành viên trong gia đình không được cản trở anh T10 trong việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung, công sức, công nợ: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị L, anh T10 mỗi người phải chịu 75.000đ (Bảy mươi lăm nghìn đồng). Chấp nhận sự thoả thuận của đương sự để chị L chịu toàn bộ số tiền án phí là 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền tạm ứng án phí 300.000đ chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Duy Tiên ngày 17/11/2017 theo biên lai số 0000191 được đối trừ khi thi hành án. Chị L được nhận lại 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện Duy Tiên;
- Chi cục THADS huyện Duy Tiên
- UBND xã Bạch Thượng;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

MẠNH XUÂN HẢI